TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SH
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 06/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2021
'V/v xin ly hôn'

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SH, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần hội đồng xét xử gồm có:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Ka Sô Bách
Các hội thẩm nhân dân:
1.Ông Niê Y Ling;
2.Bà Bùi Thị Lừng.

Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên.

Đại diện VKSND huyện SH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện SH xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2020/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 12 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà SH, sinh năm 1972

Địa chỉ: K.9, thị trấn H.R, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh P.V.T, sinh năm 1968

Địa chỉ: K.9, thị trấn H.R, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị SH trình bày:

Về hôn nhân:

Vào ngày 08 tháng 6 năm 1991 chị SH có đăng ký kết hôn với anh P.V.T tại Ủy ban nhân dân thị trấn H.R, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến cuối năm 2015 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là vì bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tin tưởng nhau về mặt tình cảm, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Chị H bỏ nhà sống với con một thời gian về nhà anh T vẫn tính nào tật ấy, khi say rượu về dùng bạo lực với vợ con, khiến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn.

Xét tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H làm đơn xin ly hôn với anh T.

Về con chung; Quá trình chung sống vợ chồng có 03 người con chung tên P.T.T.T, sinh năm 1992, P.N.T, sinh năm 1994 và P.T.T, sinh năm 1996. Hiện các con đều đã trưởng thành và có gia đình riêng.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn anh P.V.T trình bày:

Về con chung và tài sản chung anh T thống nhất như lời trình bày của chị H, mâu thuẩn vợ chồng xảy ra là do chị H hiểu lầm anh T có quan hệ ngoại tình với người khác. Hiện anh T còn tH yêu vợ con, mong chị H bỏ qua những sai sót của anh T mà vợ chồng chung sống xây dựng hạnh phúc gia đình.

. **Tại phiên tòa:**

Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh T và không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung và tài sản chung.

Anh T không đồng ý theo yêu cầu ly hôn của chị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện phát biểu ý kiến:

-Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của họ.

-Đề nghị HĐXX chấp nhận theo đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T của chị H.

-Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

-Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự:

Chị H có đơn đề nghị tòa án giải quyết việc xin ly hôn với anh P.V.T trú tại: K.9, thị trấn H.R, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự tòa án nhân dân huyên SH thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị H và anh T tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H.R, huyện SH, tỉnh Phú Yên vào ngày 08 tháng 6 năm 1992 là đúng quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 53 của Luật Hôn Nhân và gia đình năm 2014.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình chung sống giữa chị H và anh T không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài từ năm 2015 cho đến nay. Mặc dù đã được chính quyền đia pH nhiều lần giải hòa, khuyên bảo và Tòa án đã hai lần đình chỉ việc giải quyết vụ án ly hôn của vợ anh chị, nhưng anh T vẫn tính nào tật ấy, anh T không chịu thay đổi và xử sự bằng bạo lực với vợ con, chị H bỏ nhà đi sống với các con một thời gian, nhưng tình cảm vợ chông không được cải thiện nên chị H làm đơn xin ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình cảm vợ chồng của chị H và anh T không còn, mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình bền vững, hạnh phúc, bình đảng và tiến bộ không đạt được, nếu keó dài thời gian chung sống thì càng gây thêm bất hạnh cho nhau, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H là có cơ sở, đúng pháp luật.

[3] Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

[4] Về tài sản chung:

Chị H và anh T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 53,Điều 56 và Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]Về quan hệ hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với anh P.V.T của chị SH. Chị SH được ly hôn với anh P.V.T.

[2]Về con chung: Không yêu cầu giải quyết.

[3]Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết**.**

[3]Về án phí:

Chị SH phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được tính trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0005737 ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện SH, tỉnh Phú Yên. Chị SH đã thi hành xong.

[4]Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ka Sô Bách

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện SH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Ka Sô Bách